

Thực trạng quản lý hoạt động dạy học theo phương thức Blended Learning ở Trường Đại học Sài Gòn

Võ Bạch Minh Thi*

*HVCH khóa 21.1 Trường Đại học Sài Gòn

Received: 2/8/2023; Accepted: 9/8/2023; Published: 15/8/2023

Abstract: Based on the theoretical basis of Blended learning management, the paper surveys and evaluates the current situation of teaching and learning activities according to the Blended learning method at Saigon University. The results show that, to meet the educational requirements in the era of the Industrial Revolution 4.0, Saigon University has implemented teaching and learning activities according to the Blended learning method. However, besides the encouraging results achieved, the school still faces difficulties and shortcomings that need to be solved. The results of evaluating the current situation are the basis for the school to build measures to improve the effectiveness of activities in the coming period.

Keywords: Administration, teaching activity, Blended learning, Saigon University.

1. Mở đầu

Trước ảnh hưởng của Cách mạng Công nghiệp 4.0 dẫn đến sự phát triển nhanh chóng của khoa học và công nghệ, phương thức Blended learning kết hợp hai phương thức dạy học trực tiếp truyền thống với dạy học trực tuyến ứng dụng công nghệ thông tin đã xuất hiện. Để thực hiện tốt các chủ trương của Nhà nước về đổi mới giáo dục trước Cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0, Trường Đại học Sài Gòn đã triển khai hoạt động dạy học theo phương thức Blended learning. Tuy nhiên, công tác quản lý hoạt động này đã gặp phải một số khó khăn nhất định về nhận thức, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin của một bộ phận giảng viên, sinh viên, về thực hiện các chức năng quản lý, cũng như trong chuẩn bị nguồn lực phục vụ cho hoạt động... Do đó, khảo sát, đánh giá thực trạng quản lý hoạt động dạy học theo phương thức Blended learning (QL HĐDHBL) để làm cơ sở cho xây dựng biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động này là rất cần thiết.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Quản lý hoạt động dạy học theo phương thức Blended learning

- Phương thức Blended learning là sự kết hợp giữa phương thức dạy học trực tiếp (offline/face-to-face) và dạy học trực tuyến (online/e-learning). Đó là hình thức dạy học trực tuyến thực hiện một phần nội dung bài học hoặc chủ đề trong chương trình đào tạo để hỗ trợ dạy học trực tiếp bài học hoặc chủ đề đó tại trường ĐH.

- Hoạt động dạy học theo phương thức Blended learning ở trường đại học là hoạt động phối hợp tương tác và thống nhất giữa hoạt động chủ đạo của

giảng viên theo phương thức Blended learning và hoạt động tự giác, tích cực, chủ động của sinh viên theo phương thức Blended learning nhằm thực hiện mục tiêu dạy học.

- Quản lý hoạt động dạy học theo phương thức Blended learning ở trường ĐH là sự tác động có tổ chức, có hướng đích của chủ thể quản lý là hiệu trưởng trường ĐH tới đối tượng quản lý là hoạt động dạy học theo phương thức Blended learning nhằm huy động và sử dụng các nguồn lực để đạt được mục tiêu đề ra của nhà trường.

2.2. Thực trạng QL HĐDHBL ở Trường Đại học Sài Gòn

Để đánh giá thực trạng QL HĐDHBL ở Trường Đại học Sài Gòn, tác giả tiến hành khảo sát 154 người là đại diện cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên (CBQL, GV, NV) thuộc Ban Giám hiệu, 11 phòng, ban, trung tâm và 7 khoa; cùng 176 sinh viên (SV) là đại diện SV đang học năm 3 và năm 4 đại học hệ chính quy ở 7 khoa trên (SV chỉ được khảo sát từ 2.2.1 đến 2.2.6). Phương pháp xử lý số liệu là tính điểm trung bình (ĐTB) và xếp hạng sử dụng thang điểm 4 bậc, với giá trị khoảng cách giữa mỗi bậc là 0,75; trong đó, ý nghĩa của từng giá trị trung bình: 1,00 - 1,75: Ít quan trọng/không ảnh hưởng/không có/yếu/không sử dụng; 1,76 - 2,50: Quan trọng/ít ảnh hưởng/còn thiếu/trung bình/ít thường xuyên; 2,51 - 3,25: Khá quan trọng/ảnh hưởng/vừa đủ/khá/thường xuyên; 3,26 - 4,00: Rất quan trọng/rất ảnh hưởng/vượt mức/tốt/rất thường xuyên. Kết quả chủ yếu như sau.

2.2.1. Thực trạng HĐDHBL ở Trường Đại học Sài Gòn

a. Nhận thức về vai trò của HĐDHBL: Khách

thể đánh giá vai trò của DHBL ở trường ĐH là rất quan trọng với ĐTB 3,33; điểm các nội dung khảo sát nằm trong khoảng từ 3,19 đến 3,52, tỷ lệ đánh giá ở mức quan trọng trở lên từ 96,67% đến 99,69%. Cụ thể, DHBL ở trường ĐH góp phần cải thiện về mặt sư phạm, nâng cao hiệu quả của hoạt động dạy học, gia tăng chất lượng đào tạo (tỷ lệ quan trọng trở lên chiếm 96,67%); tăng khả năng tiếp cận và tính linh hoạt trong dạy học (quan trọng trở lên 98,48%); cải thiện hiệu quả sử dụng tài nguyên, tiết kiệm chi phí (quan trọng trở lên 98,18%); kết hợp ưu điểm của dạy học trực tiếp và dạy học trực tuyến, phù hợp với sự phát triển của khoa học và công nghệ (quan trọng trở lên 99,39%); thúc đẩy việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số vào dạy học (quan trọng trở lên 99,69%).

b. Thực trạng thực hiện mục tiêu DHBL: Kết quả thực hiện mục tiêu DHBL ở trường được khách thể đánh giá khá với ĐTB là 3,04; điểm đánh giá các nội dung từ 2,98 đến 3,11. Tuy nhiên, vẫn có từ 13,94% đến 20,00% chọn mức trung bình cho cả ba nội dung. Việc thực hiện các mục tiêu giữa các đơn vị trong trường chưa có sự đồng đều.

c. Thực trạng nội dung DHBL được đánh giá ở mức khá, ĐTB 2,93; điểm các nội dung từ 2,85 đến 3,05. Đáng chú ý, các nội dung tuy chủ yếu được đánh giá khá trở lên nhưng đều nhận một lượng đánh giá trung bình nhất định (từ 14,55% đến 26,67%). Như vậy, hiệu trưởng cần có biện pháp cải thiện việc thực hiện các nội dung DHBL.

d. Thực trạng sử dụng phương pháp tổ chức DHBL

- Về tần suất thực hiện các phương pháp, “dạy học trực tuyến đồng bộ (e-learning trực tiếp)” có ĐTB 2,56 còn “dạy học trực tuyến không đồng bộ (người học tự điều chỉnh nhịp độ học của mình)” có ĐTB 2,78; nghĩa là đối với DHBL ở trường thì việc kết hợp dạy học trực tiếp và dạy học trực tuyến không đồng bộ, dạy học trực tiếp vẫn là chủ đạo.

- Về kết quả thực hiện phương pháp, “dạy học trực tiếp đồng bộ” có ĐTB 3,09. Trong khi đó, “dạy học trực tuyến đồng bộ” chỉ có ĐTB 2,72 còn “dạy học trực tuyến không đồng bộ” có ĐTB 2,81; đặc biệt, tỷ lệ đánh giá mức trung bình đối với hai nội dung này cao, lần lượt là 37,27% và 30,00%. Vậy, phương pháp dạy học trực tiếp không chỉ là chủ đạo, mà còn có kết quả thực hiện tốt hơn so với các phương pháp dạy học trực tuyến.

đ. Thực trạng áp dụng hình thức tổ chức DHBL

- Tần suất thực hiện các hình thức tổ chức DHBL được đánh giá ở mức thường xuyên, ĐTB 2,68; điểm

các nội dung từ 2,54 đến 2,91; đáng chú ý, ba hình thức có điểm đánh giá thấp hơn trên tổng số bốn hình thức gồm “nhóm các hình thức linh hoạt (Flex)”, “nhóm các hình thức tự kết hợp (Self-Blend)” và “nhóm các hình thức phong phú ảo (Enriched-Virtual)” có tỷ lệ đánh giá ít thường xuyên cao (từ 44,55% đến 51,82%) nhưng không quá chênh lệch với tỷ lệ thường xuyên (từ 39,70% đến 46,06%).

- *Kết quả thực hiện* các hình thức được đánh giá ở mức khá với ĐTB 2,69; điểm các nội dung nằm trong khoảng từ 2,60 đến 2,86. “Nhóm các hình thức linh hoạt (Flex)”, “nhóm các hình thức tự kết hợp (Self-Blend)” và “nhóm các hình thức phong phú ảo (Enriched-Virtual)” tiếp tục có điểm thấp hơn, có tỷ lệ đánh giá trung bình cao (từ 40,61% đến 42,42%) và gần tương đương tỷ lệ khá (từ 46,97% đến 48,79%). Đáng chú ý là “Nhóm các hình thức luân phiên (Rotation)” đứng đầu cả về tần suất và kết quả thực hiện.

e. Thực trạng điều kiện hỗ trợ HDDHBL: Điều kiện hỗ trợ HDDHBL được đánh giá ở mức còn thiếu, ĐTB 2,44; điểm các nội dung từ 2,36 đến 2,56. Kết quả này cho thấy các điều kiện về “đội ngũ CBQL, GV, NV”, “cơ sở vật chất – kỹ thuật”, “nguồn kinh phí” hỗ trợ hoạt động chưa đáp ứng yêu cầu và việc đưa ra biện pháp cải thiện là cần thiết, nhất là đối với cơ sở vật chất – kỹ thuật và kinh phí có 65,8% và 60% cho là còn thiếu.

2.2.2. Thực trạng quản lý QL HDDHBL

a. Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục nâng cao nhận thức về vai trò của HDDHBL

Kết quả thực hiện các chức năng quản lý hoạt động giáo dục nâng cao nhận thức được đánh giá ở mức khá, ĐTB chung 2,64; điểm các nội dung trong khoảng từ 2,57 đến 2,74. Ở tất cả bốn chức năng (kế hoạch hóa; tổ chức; chỉ đạo; kiểm tra, đánh giá), tuy đánh giá khá chiếm phần lớn nhưng tỷ lệ đánh giá trung bình đều cao (từ 33,77% đến 38,31%).

Mức độ thực hiện các nội dung quản lý hoạt động giáo dục nâng cao nhận thức cũng được đánh giá ở mức khá với ĐTB 2,63; điểm các nội dung dao động từ 2,58 đến 2,70. Tất cả nội dung đều nhận được đa số đánh giá ở mức trung bình (từ 34,42% đến 46,10%) và mức khá (từ 42,21% đến 52,60%).

Tỷ lệ đánh giá trung bình cao thể hiện việc quản lý hoạt động giáo dục nâng cao nhận thức về vai trò của HDDHBL ở Trường Đại học Sài Gòn chưa được đánh giá tích cực, cho thấy sự cần thiết phải có biện pháp để công tác nâng cao nhận thức được làm tốt hơn.

b. Thực trạng kế hoạch hóa HDDHBL

Kế hoạch hóa HỖ ĐHBL ở trường được đánh giá ở mức khá, ĐTB chung 2,53; điểm các nội dung từ 2,43 đến 2,64. Tất cả nội dung đều nhận được đa số đánh giá ở mức trung bình (từ 42,21% đến 51,30%) và khá (từ 37,01% đến 44,81%). Ba trong số mười nội dung được đánh giá trung bình (“quy hoạch các điều kiện hỗ trợ HỖ ĐHBL”, “nghiên cứu các văn bản pháp luật để xác định định hướng chiến lược của hoạt động, làm cơ sở xây dựng kế hoạch”, “xác định được khung kiểm tra, giám sát và đánh giá”), còn lại là khá. Trong đó, mức đánh giá “công tác quy hoạch các điều kiện hỗ trợ HỖ ĐHBL” chưa cao phần nào lý giải sự thiếu hụt các điều kiện này như kết quả khảo sát ở trên. Vì vậy, cải tiến công tác kế hoạch hóa hoạt động cần phải được thực hiện.

c. Thực trạng tổ chức HỖ ĐHBL

Tổ chức thực hiện HỖ ĐHBL được đánh giá khá, ĐTB là 2,62; điểm các nội dung từ 2,53 đến 2,81. Đáng chú ý, các nội dung liên quan đến phân công, phân cấp (“rà soát, bổ sung, hoàn thiện cơ chế phân công, phân cấp nhiệm vụ đối với các hoạt động”, “triển khai cho các đơn vị/cá nhân thực hiện các hoạt động theo đúng phân công”, “đảm bảo cho các đơn vị/cá nhân được phân công có đủ điều kiện và thẩm quyền thực thi”) được đánh giá thấp hơn so với hai nội dung còn lại, đặt ra yêu cầu về việc cải thiện công tác phân công, phân cấp.

d. Thực trạng chỉ đạo HỖ ĐHBL

Chỉ đạo thực hiện HỖ ĐHBL được đánh giá khá với ĐTB 2,58; điểm các nội dung từ 2,50 đến 2,67. Ba nội dung được đánh giá với mức trung bình là: “triển khai bồi dưỡng, tập huấn để đơn vị/cá nhân được phân công/phân cấp”, “ban hành văn bản để thúc đẩy, nhắc nhở các đơn vị/cá nhân”, “thực hiện các cơ chế, chính sách để kích lệ và tạo động lực cho các đơn vị/cá nhân”. Vì thế, cần đưa ra biện pháp để làm tăng hiệu lực chỉ đạo của hiệu trưởng.

đ. Thực trạng kiểm tra, giám sát và đánh giá HỖ ĐHBL : Kiểm tra, giám sát và đánh giá đối với HỖ ĐHBL được đánh giá mức khá với ĐTB là 2,53; điểm các nội dung dao động từ 2,46 đến 2,60. Trong đó, một số nội dung có đánh giá trung bình chiếm phần lớn, gồm: “xây dựng, rà soát, hoàn thiện bộ tiêu chuẩn, tiêu chí phục vụ cho kiểm tra, giám sát, đánh giá”, “tổ chức phân công, phân cấp việc kiểm tra, giám sát và đánh giá một cách xuyên suốt, đầy đủ”, “xây dựng kênh thông tin chỉ đạo và báo cáo phù hợp với sự phân công, phân cấp; quy định kỳ báo cáo, nội dung báo cáo”; “triển khai kiểm tra, đánh giá theo đúng sự phân công, phân cấp”. Việc đưa ra biện pháp để thực hiện kiểm tra, giám sát và đánh giá một cách thường xuyên, có hiệu quả tốt hơn là cần thiết.

2.2.3. Thực trạng ảnh hưởng của các yếu tố đến QL HỖ ĐHBL ở Trường Đại học Sài Gòn

a. *Ảnh hưởng của các yếu tố chủ quan*: Kết quả đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố chủ quan đạt mức rất ảnh hưởng, ĐTB là 3,47; điểm các yếu tố từ 3,42 đến 3,51. Toàn bộ ba yếu tố này đều có đánh giá ở mức ảnh hưởng trở lên đạt trên 94%. Các yếu tố này là: “phẩm chất và năng lực của CBQL”; “phẩm chất và năng lực của GV, NV”; “ý thức, thái độ học tập của SV”. Đặc biệt, yếu tố “phẩm chất và năng lực của CBQL” được đánh giá cao nhất, nhấn mạnh tầm quan trọng của CBQL trong QL HỖ ĐHBL.

b. *Ảnh hưởng của các yếu tố khách quan*: Mức độ ảnh hưởng của các yếu tố khách quan được đánh giá ở mức rất ảnh hưởng với ĐTB 3,47; điểm các yếu tố từ 3,32 đến 3,65. Hai trong ba yếu tố có đánh giá ở mức ảnh hưởng trở lên đạt trên 90% (“văn bản chỉ đạo của các cơ quan quản lý”; “cơ sở vật chất – kỹ thuật hỗ trợ DHBL”), yếu tố “sự hỗ trợ của gia đình và xã hội” có 88,32% đánh giá mức ảnh hưởng trở lên. Yếu tố “cơ sở vật chất – kỹ thuật hỗ trợ DHBL” nhận được đánh giá cao nhất cho thấy vai trò của cơ sở vật chất – kỹ thuật đối với HỖ ĐHBL.

3. Kết luận

Qua kết quả đánh giá thực trạng trên, nhìn chung HỖ ĐHBL ở Trường Đại học Sài Gòn đã đạt được một số kết quả nhất định trong bối cảnh các điều kiện hỗ trợ còn thiếu. Tuy nhiên, dù CBQL, GV, NV và SV có nhận thức rất cao về vai trò của HỖ ĐHBL ở trường ĐH, kết quả thực hiện mục tiêu, nội dung, phương pháp tổ chức và hình thức tổ chức hoạt động, cũng như công tác QL HỖ ĐHBL chưa nhận được đánh giá tương xứng với mức nhận thức này. Kết quả nghiên cứu này là cơ sở để đề xuất những biện pháp phù hợp đối với QL HỖ ĐHBL ở Trường Đại học Sài Gòn để triển khai hoạt động đồng bộ, đạt hiệu quả cao hơn./.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), *Thông tư số 12/2016/TT-BGDĐT ngày 22/04/2016 quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo qua mạng*, Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/03/2021 quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên*, Hà Nội.
3. Nguyễn Hoàng Trang (2018), *Một số vấn đề trong dạy học Blended learning và kinh nghiệm quốc tế*. Kỷ yếu hội thảo quốc tế: Giáo dục cho mọi người, tr.105-112. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.